

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THUY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83 /2019/HSST

Ngày: 26 – 9 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo :

1. Cao Quang H1, Sinh năm 1970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Cao Quang Kh (đã chết); Mẹ đẻ: Bùi Thị Phứ (đã chết); vợ: Lê Thị Q; sinh năm 1970; Có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 27/02/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

2. Cao Xuân Ch, Sinh ngày 11/10/1967; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Cao Xuân Ph, sinh năm 1940, trú tại thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình, mẹ đẻ: Trần Thị Nh (đã chết); vợ: Bùi Thị H; sinh năm 1972; Có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Ngày 27/8/1985 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại C1-D1. E379 Bộ tư lệnh Quân khu 3, đến ngày 10/6/1988 thì xuất ngũ trở về địa phương. Ngày 15/3/2019 bị can bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - - *Có mặt*

3. Bùi Đình Ch1, sinh ngày 19/5/1958; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn PLT, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Bùi Đình Đ (đã chết), mẹ đẻ: Nguyễn Thị R (đã

chết); vợ: Lê Thị Th; sinh năm 1963; Có 02 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: không; Ngày 15/3/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

4. **Trịnh Văn H2**, sinh ngày 01/01/1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn PLT, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Trịnh Văn Ngh (đã chết), mẹ đẻ: Phạm Thị Th, sinh năm 1931. Hiện trú tại xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; vợ: Lưu Thị Lan A; sinh năm 1977; Có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 27/02/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

5. **Trần Đức Ph**, Sinh ngày 09/10/1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Trần Đức D, sinh năm 1950, mẹ đẻ: Bùi Thị L, sinh năm 1950, hiện đều trú tại: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; vợ: Bùi Thị H; sinh năm 1976; Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Tháng 9/1992 tham gia nghĩa vụ quân sự, quá trình thực hiện nhiệm vụ được Lữ đoàn trưởng 144 tặng Bằng khen, đến tháng 5/1995 thì xuất ngũ trở về địa phương. Bị tạm giữ từ ngày 27/02/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

6. **Bùi Đình Th**, sinh ngày 14/9/1975. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Bùi Đức Th (đã chết), mẹ đẻ: Phạm Thị L (đã chết); vợ: Trần Thị D; sinh năm 1983 (đã ly hôn); Chưa có con; Tiền án, Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 27/02/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

7. **Trần Đức T**, sinh ngày 12/5/1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Trần Đức S, sinh năm 1944, mẹ đẻ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1945 hiện đều trú tại: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; vợ: Trần Thị L; sinh năm 1987; Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Tháng 02/2003 đi nghĩa vụ quân sự và đóng quân tại Trung đoàn 692, Sư đoàn 301 Quân khu thủ đô tại Hà Đông, Hà Nội, đến tháng 01/2005 thực hiện xong nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; Bị tạm giữ từ ngày 27/02/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

8. **Phạm Đức D**, sinh ngày 19/5/1970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: (không rõ), mẹ đẻ: Trần Thị B (đã chết); Vợ:

Nguyễn Thị Th; sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

9. **Nguyễn Quang L**, sinh ngày 08/9/1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HN, xã TS, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Nguyễn Quang Th (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; Vợ: Hoàng Thị H; sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Làm ruộng; bị can có 01 người con sinh năm 2012. Tiền án, Tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

10. **Trần Đức B1**, sinh ngày 29/3/1985; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Đức Th, sinh năm 1957, mẹ đẻ: Vũ Thị T, sinh năm 1959; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*

11. **Bùi Đức B2**, sinh ngày 06/6/1963; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Bố đẻ: Bùi Đức T, sinh năm 1927 – già yếu; Mẹ đẻ: Bùi Thị Nh, sinh năm 1932 – già yếu đều trú tại: Thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, Tiền sự: không; Tháng 9/1983 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Trung đoàn 43, Sư đoàn 323 Móng Cái tỉnh Quảng Ninh, đến tháng 12/1986 xuất ngũ trở về địa phương. Bị tạm giữ từ ngày 27/02/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - *Có mặt*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lưu Thị Lan A, sinh năm 1977 – *Có mặt*

Nơi cư trú: thôn HL, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/02/2019 Trịnh Văn H2, Bùi Đình Th, Trần Đức T, Trần Đức Ph, Bùi Đức B2 đến nhà Cao Quang H1 để đánh bạc và xem đánh bạc. Tại gian phòng để đồ của gia đình bị cáo H1 thì các bị cáo H2, Th, T, H1 rủ nhau chơi lốc ăn tiền, còn bị cáo Ph và B2 ngồi xem. Cách chơi đánh lốc: 52 lá bài tứ lơ khơ được chia đều cho mỗi người 10 lá bài còn thừa 12 lá để lại, khi chơi ai đánh hết bài trước là thắng, 03 người còn lại bị thua. Đếm số lá bài còn lại trên tay để tính tiền, cứ 01 lá bài tính 2.000 đồng (hai nghìn đồng), nếu một trong bốn người xin lốc (đánh bài ra mà

không ai bắt được) thì mỗi người phải nộp cho người đó 80.000 đồng (tám mươi nghìn đồng), nếu mà có người bắt được thì người xin lộc phải nộp cho người đó 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Bốn người chơi lộc được khoảng 20 phút thì bị cáo Cao Xuân Ch đi vào, bị cáo H1 và Ch rủ chơi xóc đĩa ăn tiền thì mọi người đều đồng ý. Bị cáo H1 và bị cáo Ch cắt 04 quân vị từ lá bài tú lơ khơ, bị cáo Hậu lấy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng để dưới chiếu, sau khi cắt được 04 quân vị có hình tròn và đều có hai mặt khác màu để chơi xóc đĩa. Khi đánh xóc đĩa mọi người đều hiểu và quy định chỉ có hai cửa chắn và lẻ để chơi, khi người cầm cái xóc đĩa xong thì đặt xuống dưới chiếu và người chơi bắt đầu đặt tiền, đến khi mở bát nếu trong 04 quân vị đều có bốn mặt giống nhau hoặc có 02 quân vị có hai mặt giống nhau thì là chắn, nếu trong 04 quân vị có 03 quân vị có ba mặt giống nhau thì là lẻ, nếu người chơi đặt cửa lẻ 10.000 đồng (mười nghìn đồng) và khi mở bát là lẻ thì người chơi thắng đồng thời được lấy tiền về gấp đôi tức là 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), nếu khi mở bát mà là chắn thì người chơi mất số tiền đã đặt, tương tự người chơi đặt tiền cửa chắn cũng vậy. Số tiền quy định mức đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng (mười nghìn đồng), số tiền lớn nhất không hạn chế có thể lên tới 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) hoặc 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bắt đầu chơi bị cáo Ch là người cầm cái còn các bị cáo H2, Th, T, H1, Ph là người chơi, riêng bị cáo B2 ngồi xem, 06 người chơi được một lúc khi đó bị cáo Hậu đánh được hai ván đều bị thua rồi không chơi nữa và đứng ngoài xem, khoảng 30 phút thì hai bị cáo Trần Đức Bái đến và Bùi Đình Ch1 đến cùng tham gia đánh bạc, chơi tiếp được khoảng 15 phút thì bị cáo Ch hết tiền đứng dậy đi về và bị cáo Ch1 vào cầm cái để tiếp tục cho mọi người cùng đánh bạc. Khi bị cáo Ch ra khỏi gian phòng đánh bạc thì gặp Nguyễn Quang L và Phạm Đức D đi vào tham gia chơi xóc đĩa ăn tiền.

Bị cáo H1 đã thu tiền hồ của Ph 30.000 đồng, Th 50.000 đồng, H2 30.000 đồng, Ch 50.000 đồng, D 30.000 đồng, L 50.000 đồng, còn lại ba bị cáo Ch2, T, Bái không nộp tiền hồ. Ngoài ra H1 còn dùng tiền của mình cho Ph vay 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc, sau khi Ph trả tiền thì H1 lấy số tiền 300.000 đồng đó cho T vay để đánh bạc và đã bị thua và bị thu giữ. Trong khi ngồi xem đánh bạc Bùi Đức B2 dùng tiền của mình cho T vay 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc, sau khi T trả tiền B2 tại sới bạc thì B2 lấy số tiền 200.000 đồng đó cho Thuấn vay để đánh bạc và đã bị thua hết.

Khi 08 người gồm H2, Th, T, L, Ch1, B1, D, Ph vẫn đang ngồi đánh bạc, H1 và B2 ngồi xem, đến 23 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác thuộc đội 3 Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Quá trình bắt giữ, tổ công tác đã thu giữ tại chiếu bạc 5.830.000 đồng, thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc 14.030.000 đồng gồm: Thu giữ của H1 3.740.000 đồng, trong đó có 3.500.000 đồng số tiền này H1 không dùng để đánh bạc, còn lại 240.000 đồng là tiền hồ đã thu của mọi người; thu của H2 9.340.000 đồng, trong đó thu trong ví 8.100.000 đồng, số tiền này

không dùng để đánh bạc, thu trong túi quần 1.240.000 đồng, số tiền này dùng để đánh bạc; thu giữ của Ph số tiền 300.000 đồng, số tiền này dùng để đánh bạc; thu giữ của T số tiền 150.000 đồng, số tiền này dùng để đánh bạc; thu giữ của B2 500.000 đồng, số tiền này không dùng để đánh bạc. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ 01 bát men sứ màu trắng, 05 mảnh vỡ từ đĩa men sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt từ bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc kéo lưỡi bằng sắt màu trắng, cán bằng nhựa màu xanh, 04 chiếc ghế nhựa màu nâu đỏ, 02 chiếc chiếu cói kích thước (1,2 x 1,8)m. Đến hồi 23 giờ 15 phút cùng ngày, tổ công tác đã mời đại diện chính quyền xã TG và đại diện thôn HL, xã TG đến để chứng kiến và cùng tham gia lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Các bị cáo Ch, L, Ch1, B1, D bỏ trốn sau đó đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình trình diện, bị cáo Ch1 đã tự giác giao nộp số tiền đánh bạc là 250.000.

Cáo trạng số 76/KSĐT ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã truy tố Cao Quang H1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 và tội "Gá bạc" theo Điều 322 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trịnh Văn H2, Trần Đức Ph, Bùi Đức Ch1, Trần Đức T, Bùi Đình Th, Phạm Đức D, Nguyễn Quang L, Bùi Đức B2, Trần Đức B1, Cao Xuân Ch về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Cao Quang H1 từ 6 tháng đến 9 tháng tù giam về tội "Đánh bạc" và từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù giam về tội "Gá bạc", tổng hợp hình phạt của hai tội xử phạt bị cáo từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm 3 tháng tù giam, phạt bổ sung từ 5.000.000 đến 7.000.000 đồng đối với bị cáo Hậu để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Văn H2, Bùi Đức Ch1, Phạm Đức D, Nguyễn Quang L. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự xử đối với các bị cáo Trần Đức Ph, Bùi Đức B2, Cao Xuân Ch: Xử phạt các bị cáo Trịnh Văn H2, Trần Đức Ph, Bùi Đức Ch1, Phạm Đức D, Nguyễn Quang L, Bùi Đức B2, Cao Xuân Ch2 mỗi bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo này. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 (đối với T và Th) Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 xử phạt Trần Đức T, Bùi Đình Th, Trần Đức B1 từ 6 đến 9 tháng tù giam. Phạt tiền bổ sung đối với mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng, tịch thu sung quỹ Nhà nước 8.010.000 đồng, trả lại cho bị cáo H1 3.500.000 đồng, trả lại cho bị cáo H2 8.100.000 đồng, cho bị cáo B2 500.000 đồng

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng. Lời nói sau cùng của các bị cáo đều nhận tội; bị cáo Hậu xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo khác xin được hưởng mức án cải tạo ngoài xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 23 giờ ngày 26/02/2019 bị cáo Cao Quang H1 đã tổ chức cho 11 người đánh bạc thu tiền hồ của các đối tượng đến đánh bạc là 240.000 đồng, bị cáo H1 chịu trách nhiệm cá nhân về tội "Gá bạc". 10 Bị cáo gồm H1, H2, Ch, Ch1, Ph, T, Th, B1, L, D cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi lốc và chơi sóc đĩa sát phạt, ăn tiền. Số tiền thu trên chiếu bạc là 5.830.000 đồng, tiền do các bị cáo dùng để đánh bạc đã giao nộp là 2.180.000 đồng, tổng là 8.010.000 đồng, B2 ngồi xem nhưng có hành vi giúp sức cho bị cáo T và Th vay tiền tạo điều kiện về vật chất để các bị cáo này thực hiện tội phạm nên toàn bộ 11 bị cáo đồng phạm thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức đánh bạc, trực tiếp đánh bạc sát phạt lẫn nhau, tạo thu nhập bất hợp pháp là vi pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung truy tố của bản cáo trạng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, hành vi của bị cáo H1 phạm vào hai tội là tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 và tội "Gá bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo còn lại phạm vào tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Vai trò của từng bị cáo:

Trong vụ án này các bị cáo cùng tiếp nhận ý chí của nhau để thực hiện hành vi đánh bạc thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét trong toàn vụ Cao Quang H1 là người tổ chức, cầm đầu, chuẩn bị công cụ phương tiện, phạm hai tội nên giữ vai trò chính trong toàn vụ; Cao Xuân Ch chuẩn bị công cụ và trực tiếp cầm cái thời gian đầu, Bùi Đức Ch1 là người cầm cái đến khi bị bắt, Trịnh Văn H2 đánh bạc với số tiền nhiều thời gian dài, nên trong toàn vụ Ch, Ch1, H2 vai trò ngang nhau và đứng thứ hai; Trần Duy Ph, Bùi Đình Th, Trần Đức T tham gia tích cực, vai trò ngang nhau và đứng thứ ba; các bị cáo Phạm Đức D, Nguyễn Văn L, Trần Đức B1, đánh bạc với thời gian ngắn, Bùi Đức B2 không đánh bạc nhưng cổ vũ, giúp sức nên đánh giá D, L, B1, B2 vai trò ngang nhau và đứng thứ tư.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo:

- Các bị cáo đều có nhân thân tốt. Điều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trừ bị cáo H1, các bị cáo khác đều được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố toàn bộ các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Cao Xuân Ch, Trần Đức Ph, Bùi Đức B2, Trần Đức T có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự và các bị cáo Trần Đức T, Trần Đức B1 có bố đẻ là thương binh loại A nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm hình sự:

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Hậu phải chịu mức hình phạt về hai tội và cao thứ nhất; Các bị cáo H2, Ch1, Ch chịu mức hình phạt ngang nhau và cao thứ hai; Các bị cáo Th, T, Ph chịu mức hình phạt ngang nhau và cao thứ ba; Các bị cáo B1, D, L, B2 chịu mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác trong toàn vụ. Cần áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt tù giam đối với bị cáo Cao Quang H1. Các bị cáo Cao Xuân Ch, Trịnh Văn H2, Bùi Đức Ch1, Trần Đức Ph, Trần Đức T, Bùi Đình Th, Phạm Đức D, Nguyễn Quang L, Bùi Đức B2, Trần Đức B1 đều có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo và xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này là đủ sức cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bát men sứ màu trắng, 05 mảnh vỡ từ đĩa men sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt từ bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc kéo lưỡi bằng sắt màu trắng, cán bằng nhựa màu xanh, 04 chiếc ghế nhựa màu nâu đỏ, 02 chiếc chiếu cói kích thước (1,2 x 1,8)m; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền dùng để đánh bạc là 8.010.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Cao Quang H1 3.500.000; Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn H2 số tiền 8.100.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Bùi Đức B2 500.000 đồng là số tiền các bị cáo mang theo nhưng không dùng để đánh bạc

- Đối với bộ bài tú lơ khơ các bị cáo dùng để chơi đánh lóc, Cao Quang H1 đã dọn nhà thu gom rác và đốt hết nên không thu giữ được không có cơ sở để xử lý.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Cao Quang H1 phạm tội “Gá bạc” và tội “Đánh bạc”
- Tuyên bố các bị cáo Cao Xuân Ch, Trịnh Văn H2, Bùi Đức Ch1, Trần Đức Ph, Trần Đức T, Bùi Đình Th, Phạm Đức D, Nguyễn Quang L, Bùi Đức B2, Trần Đức B1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 322; Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Cao Quang H1 6 tháng tù giam về tội “Đánh bạc” và 1 năm tù giam về tội “Gá bạc”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 1 năm 6 tháng tù giam cho cả hai tội. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ ngày tạm giữ (từ ngày 27/02/2019 đến ngày 07/3/2019).

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Đối với Cao Xuân Ch, Trần Đức T, Trần Đức Ph, Trần Đức B1, Bùi Đức B2 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51), Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo Cao Xuân Ch, Trịnh Văn H2, Bùi Đức Ch1 mỗi bị cáo 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng. Xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt Trần Đức Ph, Trần Đức T, Bùi Đình Th mỗi bị cáo 7 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng. Xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với mỗi bị cáo 7.000.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt Phạm Đức D, Nguyễn Quang L, Bùi Đức B2, Trần Đức B1 mỗi bị cáo 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Cao Xuân Ch, Trịnh Văn H2, Bùi Đức Ch1, Trần Đức Ph, Trần Đức T, Bùi Đình Th, Phạm Đức D, Bùi Đức B2, Trần Đức B1 cho Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình và giao bị cáo Nguyễn Quang L cho Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TT, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Các bị cáo có nghĩa vụ nộp tiền phạt một lần trong thời hạn một tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát men sứ màu trắng, 05 mảnh vỡ từ đĩa men sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt từ bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc kéo lưỡi bằng sắt màu trắng, cán bằng nhựa màu xanh, 04 chiếc ghế nhựa màu nâu đỏ, 02 chiếc chiếu cói kích thước (1,2 x 1,8)m.

- Tịch thu sung công quỹ toàn bộ số tiền dùng để đánh bạc là 8.010.000 đồng

- Trả lại cho Cao Quang H1 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng);

- Trả lại cho Trịnh Văn H2 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng)

- Trả lại cho Bùi Đức B2 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

(Tất cả vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy)

4. Về án phí: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi gửi:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Các bị cáo;
- UBND xã Thái Giang, UBND xã Thái Sơn
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Lan